TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH G**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/HNGĐ-ST
Ngày 24/7/2020
"*V/v không công nhận quan hệ vợ chồng và tranh chấp về nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH G

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nay Lu Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị Giang.

2. Ông Đỗ Trí Thuyết.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Cao Thị Hiền - Cán bộ Tòa án nhân dân thành huyện C, tỉnh G.

Trong ngày 24 tháng 7 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2020 về việc "*Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng và tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2020/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn Anh Phan Viết Đại H, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Tổ dân phố 03, thị trấn C, huyện C, tỉnh G.

Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Phạm Thị Thanh X, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Tổ dân phố 03, thị trấn C, huyện C, tỉnh G.

Có mặt.

NHẬN THẤY:

1. Trong đơn khởi kiện ngày 08-4-2020 và tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Phan Viết Đại H trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Phạm Thị Thanh X qua tìm hiểu tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2001 đến nay tại Tổ dân phố 03, thị trấn C, huyện C, tỉnh G Nng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu anh và chị X chung sống hạnh phúc được một thời gian thì giữa vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không hợp tính cách, mỗi người có một cách sống riêng nên cuộc sống hôn nhân trở nên tẻ nhạt, thường hay tranh cãi. Mặc dù vợ chồng đã có nhiều cố gắng dung hòa nhằm tìm được tiếng nói chung để hôn nhân không đổ

vỡ Nng mọi cố gắng đều không có kết quả. Nay anh nhận thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận anh và chị Phạm Thị Thanh X là vợ chồng.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình chung sống giữa anh và chị X có 03 có con chung là Phan Viết Bảo, sinh ngày 21/10/2002; Phan Thị Quỳnh N, sinh ngày 06/4/2010; Phan Thị Quỳnh A, sinh ngày 30/12/2011. Sau khi Tòa án giải quyết không công nhận là vợ chồng, anh H yêu cầu được nuôi dưỡng chăm sóc ba con chung là Phan Viết Bảo, Phan Thị Quỳnh N và Phan Thị Quỳnh A. Việc cấp dưỡng nuôi con anh H và chị X tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh H và chị X tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết các quan hệ này.

2. Tại bản tự khai ngày 06-5-2020 và tại phiên tòa, bị đơn là chị Phạm Thị Thanh X trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phan Viết Đại H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2001 đến nay tại Tổ dân phố 03, thị trấn C, huyện C, tỉnh G Nng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống giữa chị và anh H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính cách, bất đồng về quan điểm sống dẫn đến thường xuyên mâu thuẫn, cãi vả, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống nên tình cảm ngày càng rạn nứt. Chị và anh H đã cố gắng nhiều để vợ chồng có thể hòa hợp Nng đều không được. Nay chị nhận thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận là vợ chồng với anh Phan Viết Đại H.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình chung sống giữa chị và anh H 03 có con chung là Phan Viết Bảo, sinh ngày 21/10/2002; Phan Thị Quỳnh N, sinh ngày 06/4/2010; Phan Thị Quỳnh A, sinh ngày 30/12/2011. Chị đồng ý với yêu cầu của anh H về việc giao ba con chung là Phan Viết Bảo, Phan Thị Quỳnh N và Phan Thị Quỳnh A cho anh H chăm sóc nuôi dưỡng, cháu Phan Viết Bảo đã lớn và tự lập được nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Việc cấp dưỡng nuôi con chị và anh H tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị X và anh H tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết các quan hệ này.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quyền khởi kiện và Thẩm quyền giải quyết: Anh Phan Viết Đại H làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chư Sẻ, tỉnh G giải quyết ly hôn chị Phạm Thị Thanh X. Về nội dung và hình thức đơn khởi kiện của anh H đúng quy định tại Điều 189 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Tòa án thụ lý. Bị đơn là chị Phạm Thị Thanh X cư trú tại Tổ dân phố 03, thị trấn C, huyện C, tỉnh G nên Tòa án nhân dân huyện C có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Anh Phan Viết Đại H và chị Phạm Thị Thanh X chung sống với nhau N vợ chồng từ năm 2001, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán Nng không đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Quá trình chung sống, do phát sinh nhiều mâu thuẫn nên anh chị không còn yêu thương, quý trọng và chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy anh H khởi kiện yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông với chị X.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình thì quan hệ chung sống giữa anh H và chị X không được pháp luật công nhận là vợ chồng, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Bản thân chị X cũng đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh H. Vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh H, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh H và chị X.

[3] Về con chung: Anh Phan Viết Đại H và chị Phạm Thị Thanh X có ba con chung là cháu Phan Viết Bảo, sinh ngày 21/10/2002; cháu Phan Thị Quỳnh N, sinh ngày 06/4/2010 và cháu Phan Thị Quỳnh A, sinh ngày 30/12/2011. Qúa trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh H có nguyện vọng được nuôi 03 con và chị X đồng ý giao các con cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng và phù hợp với nguyện vọng của các con nên ghi nhận sự thỏa thuận của anh H và chị X về người nuôi con.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh Phan Viết Đại H và chị Phạm Thị Thanh X tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Anh Phan Viết Đại H và chị Phạm Thị Thanh X tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về án phí: Anh H là nguyên đơn xin ly hôn nên pH chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 14, 15, 53, 58, 81, 82, 83, 84 và 85 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phan Viết Đại H.

Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Phan Viết Đại H và chị Phạm Thị Thanh X.

2. Anh Phan Viết Đại H và chị Phạm Thị Thanh X thống nhất giao cháu Phan Viết Bảo, sinh ngày 21/10/2002; cháu Phan Thị Quỳnh N, sinh ngày 06/4/2010

và cháu Phan Thị Quỳnh A, sinh ngày 30/12/2011 cho anh Phan Viết Đại H trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các con thành niên hoặc đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Anh Phan Viết Đại H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0002827 ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh G; anh Phan Viết Đại H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh G xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh G;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện C;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nay Lu Vinh